

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 4200272350

ngày 1 tháng 4 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4200272350 ngày 25 tháng 6 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Nhâm	Chủ tịch (từ ngày 21 tháng 4 năm 2016)
Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch (tới ngày 21 tháng 4 năm 2016)
Ông Phạm Hữu Tấn	Thành viên (từ ngày 21 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên (tới ngày 21 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Minh Khôi	Phó Chủ tịch
Ông Dương Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 29, Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc
Phường Cam Linh, Thành Phố Cam Ranh
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 

Phạm Hữu Tân
Tổng Giám đốc

Thành Phố Cam Ranh, ngày 11 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 6 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 3 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 16-01-376/1

CHẾ ĐỘ

CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

KPMG

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		57.534.009.587	61.962.625.722
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	40.303.301.584	32.495.161.793
Tiền	111		6.303.301.584	32.495.161.793
Các khoản tương đương tiền	112		34.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.264.114.501	9.653.109.380
Phải thu khách hàng	131	8	12.632.482.659	6.278.448.895
Trả trước cho người bán	132		693.646.000	488.316.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	3.366.852.005	3.315.210.648
Dự phòng phải thu khó đòi	137	11	(428.866.163)	(428.866.163)
Hàng tồn kho	140	10	801.660.519	646.667.277
Tài sản ngắn hạn khác	150		164.932.983	19.167.687.272
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		164.932.983	71.183.448
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	19.096.503.824
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		328.719.978.810	325.615.415.914
Các khoản phải thu dài hạn	210		984.876.000	984.876.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	984.876.000	984.876.000
Tài sản cố định	220		319.664.219.040	316.229.325.450
Tài sản cố định hữu hình	221	12	319.664.219.040	316.229.325.450
Nguyên giá	222		472.144.416.291	462.108.121.097
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(152.480.197.251)	(145.878.795.647)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	18.548.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	-	18.548.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	5.408.751.847	5.174.361.847
Đầu tư vào công ty con	251		3.738.751.847	3.504.361.847
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.670.000.000	1.670.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.662.131.923	3.208.304.617
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.662.131.923	3.208.304.617
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		386.253.988.397	387.578.041.636

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

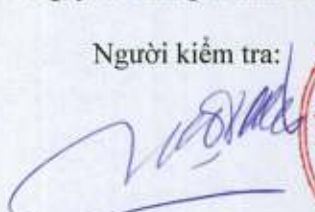
Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		135.162.127.938	137.216.763.655
Nợ ngắn hạn	310		38.023.033.938	37.073.665.655
Phải trả người bán	311	16	2.239.903.143	1.491.926.592
Người mua trả tiền trước	312		3.174.390.765	103.066.936
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	17	624.459.627	219.062.318
Phải trả người lao động	314		2.998.131.304	4.413.609.144
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		34.132.500	136.683.658
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318	18	939.342.000	1.047.876.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	20.540.800.348	24.262.242.752
Vay ngắn hạn	320	20	5.176.000.000	5.176.000.000
Dự phòng phải trả	321	21	1.500.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	795.874.251	223.198.255
Nợ dài hạn	330		97.139.094.000	100.143.098.000
Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn	336	18	144.494.000	559.898.000
Phải trả dài hạn khác	337		54.000.000	54.000.000
Vay dài hạn	338	20	96.940.600.000	99.529.200.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		251.091.860.459	250.361.277.981
Vốn chủ sở hữu	410	23	251.091.860.459	250.361.277.981
Vốn cổ phần	411	24	245.018.170.000	245.018.170.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	1.069.304.685	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.004.385.774	5.343.107.981
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		5.343.107.981	-
- <i>(Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(338.722.207)	5.343.107.981
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		386.253.988.397	387.578.041.636

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập:

 Hồ Nguyễn Tú Anh
 Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

 Nguyễn Huy Phương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Phạm Hữu Tấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN

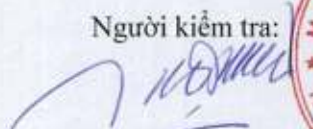
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	50.181.868.134	55.792.599.016
Giá vốn hàng bán	11	29	34.906.472.789	42.381.384.754
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		15.275.395.345	13.411.214.262
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.280.161.191	691.398.299
Chi phí tài chính	22	31	3.820.285.526	793.321.581
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.820.285.526</i>	<i>793.321.581</i>
Chi phí bán hàng	25	32	138.058.389	164.043.586
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	7.287.275.783	8.568.833.631
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.309.936.838	4.576.413.763
Thu nhập khác	31		119.764.240	1.604.344.167
Chi phí khác	32		48.315.304	1.712.449
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		71.448.936	1.602.631.718
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.381.385.774	6.179.045.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	1.132.000.000	835.937.500
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.249.385.774	5.343.107.981
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	130	218

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Hồ Nguyễn Tú Anh
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

Nguyễn Huy Phương
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.381.385.774	6.179.045.481
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	6.683.680.912	6.853.733.780
Các khoản dự phòng	03	1.500.000.000	428.866.163
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(1.280.161.191)	(619.207.517)
Xóa sổ tài sản cố định	05	36.198.958	-
Chi phí lãi vay	06	3.820.285.526	793.321.581
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	16.141.389.979	13.635.759.488
Biến động các khoản phải thu	09	13.092.394.703	6.209.955.603
Biến động hàng tồn kho	10	(154.993.242)	411.429.855
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.787.068.752)	713.871.821
Biến động chi phí trả trước	12	452.423.159	399.604.343
		27.744.145.847	21.370.621.110
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.820.285.526)	(19.919.720.114)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(883.642.961)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(495.945.600)	(94.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	22.544.271.760	1.356.600.996
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(10.743.121.460)	(247.414.613)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(234.390.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.280.161.191	619.207.517
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(9.697.350.269)	371.792.904

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
-------	---	---

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay dài hạn nhận được	33	-	104.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.588.600.000)	(106.604.986.093)
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.450.181.700)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(5.038.781.700)	(2.604.986.093)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.808.139.791	(876.592.193)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	32.495.161.793	33.371.753.986
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 7)	70	40.303.301.584	32.495.161.793

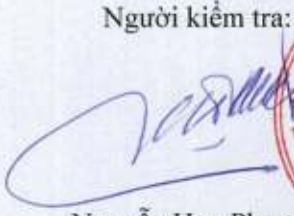
Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập:



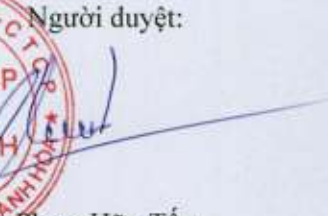
Hồ Nguyễn Tú Anh
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Nguyễn Huy Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Tiền thân của Công ty là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước là Cảng Ba Ngòi – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 168/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 1 năm 2009 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4200272350 ngày 1 tháng 4 năm 2009, do sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4200272350 ngày 25 tháng 6 năm 2016, do sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là quản lý khai thác biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa; cung cấp dịch vụ kho vận và bán lẻ nhiên liệu, chất đốt.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 201 nhân viên (1/1/2016: 175 nhân viên).

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán đầu tiên từ ngày Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động sang công ty cổ phần là từ ngày 25 tháng 6 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tương ứng là tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 9 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.



Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty, nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân liên quan cũng được coi là bên liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được lập trên trên các báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

5. Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường nào có ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận thuần hay lưu chuyển tiền tệ của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 cần phải được công bố.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trong cơ cấu của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	551.087.598	422.582.500
Tiền gửi ngân hàng	5.752.213.986	32.072.579.293
Các khoản tương đương tiền	34.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	40.303.301.584	32.495.161.793

8. Phải thu khách hàng**(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Kwang Jin Việt Nam	3.415.360.597	657.347.751
Công ty Cổ phần Đồng Nai	1.008.283.100	1.011.654.600
Các khách hàng khác	8.208.838.962	4.609.446.544
	<hr/>	<hr/>
	12.632.482.659	6.278.448.895

(b) Phải thu khách hàng là bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	152.638.590	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty con không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận nộp dư	3.022.033.540	3.022.033.540
Tạm ứng cho nhân viên	304.600.000	233.400.000
Khác	40.218.465	59.777.108
	<hr/>	<hr/>
	3.366.852.005	3.315.210.648

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng hành chính Cảng chờ khấu trừ tiền thuê đất Ngân sách Nhà nước	984.876.000	984.876.000

(c) Phải thu khác từ bên liên quan

Trong phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ bên liên quan như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	3.022.033.540	3.022.033.540

Khoản phi thương mại phải thu từ công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu	148.371.535	127.011.229
Công cụ và dụng cụ	279.322.286	290.542.323
Hàng hóa	373.966.698	229.113.725
	<hr/>	<hr/>
	801.660.519	646.667.277

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi – ngắn hạn

	30/6/2016			1/1/2016		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn						
▪ Công ty Cổ Phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới	Trên 3 năm	113.319.150	113.319.150	113.319.150	113.319.150	-
▪ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	Trên 3 năm	99.453.843	99.453.843	99.453.843	99.453.843	-
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa	Trên 2 năm	84.790.585	42.395.293	84.790.585	42.395.293	42.395.292
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải Tàu Cao tốc Bắc Nam	Trên 3 năm	84.292.500	84.292.500	84.292.500	84.292.500	-
▪ Công ty TNHH Hưng Phát	Trên 3 năm	83.070.900	83.070.900	83.070.900	83.070.900	-
▪ Công ty TNHH An Trung	Trên 2 năm	12.668.954	6.334.477	12.668.954	6.334.477	6.334.477
		477.595.932	428.866.163	477.595.932	428.866.163	48.729.769

Không có biến động về dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	429.978.540.978	20.827.351.958	899.759.531	10.402.468.630	462.108.121.097
Tăng trong kỳ	-	-	-	770.909.091	770.909.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	9.383.864.369	-	-	-	9.383.864.369
Xóa sổ	(65.434.500)	-	-	(53.043.766)	(118.478.266)
Số dư cuối kỳ	439.296.970.847	20.827.351.958	899.759.531	11.120.333.955	472.144.416.291
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	127.316.787.151	11.426.580.763	642.072.943	6.493.354.790	145.878.795.647
Khấu hao trong kỳ	5.865.313.410	416.859.840	32.658.120	368.849.542	6.683.680.912
Xóa sổ	(40.516.550)	-	-	(41.762.758)	(82.279.308)
Số dư cuối kỳ	133.141.584.011	11.843.440.603	674.731.063	6.820.441.574	152.480.197.251
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	302.661.753.827	9.400.771.195	257.686.588	3.909.113.840	316.229.325.450
Số dư cuối kỳ	306.155.386.836	8.983.911.355	225.028.468	4.299.892.381	319.664.219.040

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 222.889 triệu VND (1/1/2016: 226.096 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 26/5/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	18.548.000	69.427.933
Tăng trong kỳ	9.365.316.369	247.414.613
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(9.383.864.369)	(298.294.546)
Số dư cuối kỳ	-	18.548.000

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016			1/1/2016				
	Số lượng	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị đánh giá lại/ Giá gốc VND	Số lượng	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị đánh giá lại/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con:								
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (*)	356.979	51%	3.738.751.847	(**)	51%	3.504.361.847	-	(**)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:								
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh	5.000	7,83%	500.000.000	(**)	7,83%	500.000.000	-	(**)
▪ Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	117.000	2,13%	1.170.000.000	(**)	2,13%	1.170.000.000	-	(**)
			5.408.751.847			5.174.361.847	-	

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201228688 ngày 9 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh (“Công ty con”) với số tiền 3.060.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ.

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện định giá xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần. Theo đó, giá trị đầu tư vào Công ty con sau khi được định giá lại là 3.504.361.847 VND, tăng 444.361.847 VND so với số vốn gốc thực góp.

Biến động của đầu tư góp vốn vào công ty con trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016		Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 1/1/2016	
	Số lượng	Giá trị đánh giá lại/Giá gốc VND	Số lượng	Giá trị đánh giá lại/Giá gốc VND
Số dư đầu kỳ	306.000	3.504.361.847	306.000	3.504.361.847
Tăng trong kỳ bằng tiền mặt	23.439	234.390.000	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	27.540	-	-	-
Số dư cuối kỳ	356.979	3.738.751.847	306.000	3.504.361.847

Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (“Công ty con”) ngày 15 tháng 6 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu là 54.000 cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty đã nhận được 27.540 cổ phiếu, tương ứng với 51% vốn sở hữu của Công ty tại Công ty con.

- (**) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 1/1/2016 VND
Số dư đầu kỳ	3.208.304.617	3.571.363.229
Tăng trong kỳ	753.182.799	945.842.478
Phân bổ trong kỳ	(1.299.355.493)	(1.308.901.090)
Số dư cuối kỳ	2.662.131.923	3.208.304.617

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	600.359.444	807.647.782
Trung tâm Quy hoạch & Kiểm định Xây dựng Khánh Hòa	479.314.000	-
Công ty TNHH Khai thác Thương mại Vận tải Thiên Phú Phát	415.689.120	-
Công ty TNHH An Khang	315.792.979	228.481.795
Các nhà cung cấp khác	428.747.600	455.797.015
	<hr/>	<hr/>
	2.239.903.143	1.491.926.592

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	600.359.444	807.647.782
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.272.973.543	(4.091.325.916)	181.647.627
Thuế thu nhập doanh nghiệp	191.642.961	1.132.000.000	(883.642.961)	440.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	27.419.357	65.010.500	(89.617.857)	2.812.000
Các loại thuế khác	-	461.237.460	(461.237.460)	-
	219.062.318	5.931.221.503	(5.525.824.194)	624.459.627

18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Doanh thu nhận trước	1.083.836.000	1.607.774.000
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(939.342.000)	(1.047.876.000)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	144.494.000	559.898.000

19. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí khởi công Bến số 2 và VAT liên quan	20.048.300.696	24.048.300.696
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	234.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Khác	208.499.652	163.942.056
	20.540.800.348	24.262.242.752

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	20.048.300.696	24.048.300.696
Các bên liên quan khác		
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	234.000.000	-

Khoản phi thương mại phải trả đối với công ty mẹ và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

20. Vay ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	102.116.600.000	104.705.200.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.176.000.000)	(5.176.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	96.940.600.000	99.529.200.000

Biến động của vay dài hạn trong kỳ như sau:

	1/1/2016 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Vay dài hạn	104.705.200.000	-	(2.588.600.000)	102.116.600.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – chi nhánh Nha Trang	(*)	VND	2027	98.000.000.000	100.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP An Bình – chi nhánh Nha Trang	(**)	VND	2019	4.116.600.000	4.705.200.000
				102.116.600.000	104.705.200.000

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Khoản vay này có hạn mức là 100.000 triệu VND, được đảm bảo bằng Bến số 2 – 50.000DWT có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 213.359 triệu VND (1/1/2016: 216.168 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 7%/năm cho 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng kể từ tháng thứ 13 trở đi. Kỳ thanh toán cuối cùng là vào năm 2027.
- (**) Khoản vay này có hạn mức là 9.414 triệu VND, được đảm bảo bằng Cầu trục xoay Liebherr 40T có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 9.530 triệu VND (1/1/2016: 9.928 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 19.8%/năm, thay đổi với chu kỳ 3 tháng 1 lần. Kỳ thanh toán cuối cùng là vào năm 2019.

21. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả thể hiện số dự phòng chi phí sửa chữa lớn theo định kỳ của tài sản cố định. Biến động của dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	-
Trích lập trong kỳ	1.500.000.000
Số dư cuối kỳ	1.500.000.000

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2016 đến ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	223.198.255	317.498.255
Trích lập trong kỳ	1.068.621.596	-
Sử dụng trong kỳ	(495.945.600)	(94.300.000)
Số dư cuối kỳ	795.874.251	223.198.255

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 25 tháng 6 năm 2015	245.018.170.000	-	-	245.018.170.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	5.343.107.981	5.343.107.981
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	245.018.170.000	-	5.343.107.981	250.361.277.981
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	4.249.385.774	4.249.385.774
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	1.069.304.685	(1.069.304.685)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(1.068.621.596)	(1.068.621.596)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(2.450.181.700)	(2.450.181.700)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	245.018.170.000	1.069.304.685	5.004.385.774	251.091.860.459

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	24.501.817	245.018.170.000	24.501.817	245.018.170.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	245.018.170.000	24.501.817	245.018.170.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 2.450 triệu VND (từ ngày 25 tháng 6 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016: Không).

26. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Ngoại tệ				
▪ USD	67.339	1.511.795.264	67.346	1.511.914.064

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.427.583.000	2.285.911.000

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	9.353.992.692	12.860.882.946
▪ Cung cấp dịch vụ	40.827.875.442	42.931.716.070
	<hr/>	<hr/>
	50.181.868.134	55.792.599.016

29. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	8.567.501.728	12.013.044.504
▪ Dịch vụ đã cung cấp	24.838.971.061	30.368.340.250
▪ Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	1.500.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	34.906.472.789	42.381.384.754

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Cổ tức được chia	827.500.000	-
Lãi tiền gửi	452.661.191	619.207.517
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	72.190.782
	<hr/>	<hr/>
	1.280.161.191	691.398.299

31. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí lãi vay	3.820.285.526	793.321.581
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên	107.900.000	110.400.000
Chi phí khấu hao	15.867.636	16.749.171
Chi phí bán hàng khác	14.290.753	36.894.415
	<hr/>	<hr/>
	138.058.389	164.043.586

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên	4.664.726.802	5.181.207.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.836.144.546	2.242.516.316
Chi phí khấu hao	378.967.380	400.021.117
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	428.866.163
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	407.437.055	316.222.379
	<hr/>	<hr/>
	7.287.275.783	8.568.833.631

34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.355.648.520	28.498.286.944
Chi phí nhân công	13.877.016.372	14.006.605.471
Chi phí khấu hao	6.683.680.912	6.853.733.780
Chi phí nhiên liệu trong giá vốn hàng bán	577.330.255	780.458.534
Chi phí khác	838.130.902	975.177.242
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.132.000.000	835.937.500

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.381.385.774	6.179.045.481
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.076.277.155	1.359.390.006
Chi phí không được khấu trừ thuế	16.823.269	9.900.000
Thu nhập không bị tính thuế	(165.500.000)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	204.399.576	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(533.352.506)
	1.132.000.000	835.937.500

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% cho năm 2015 và 20% từ năm 2016 trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.249.385.774	5.343.107.981
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.068.621.596)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	3.180.764.178	5.343.107.981

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	30/6/2016	31/12/2015
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn kết thúc	24.501.817	24.501.817

